

# Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tại Việt Nam

**Mai Hương Giang**

Học viện Ngân hàng

Ngày nhận: 10/01/2023

Ngày nhận bản sửa: 16/02/2023

Ngày duyệt đăng: 21/03/2023

*Tóm tắt: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã và đang là nhân tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hiện thực hóa các định hướng phát triển tại Việt Nam. Trong những năm gần đây, khi nền kinh tế toàn cầu đang hướng tới việc đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và các Cam kết của Hiệp định Pari về biến đổi khí hậu, tác động của FDI đến môi trường ngày càng được quan tâm. Thực tế cho thấy không phải tất cả các dự án FDI đều có tác động tích cực đến môi trường của nước nhận đầu tư. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để các dự án FDI vừa đem lại các lợi ích về kinh tế- xã hội cho đất nước, vừa đảm bảo các vấn đề về môi trường. Thu hút FDI xanh có thể là lời giải cho câu hỏi trên, tuy nhiên, tại Việt Nam hiện nay, việc thu hút FDI xanh vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Bài viết dựa trên quan sát tổng quan tài liệu đã cho thấy sự cần thiết của việc thu hút vốn FDI xanh tại các quốc gia đang phát triển, phân tích các rào cản trong thu hút FDI xanh tại Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường thu hút dòng vốn này trong thời gian tới.*

## Attracting green foreign direct investment in Vietnam

**Abstract:** Foreign Direct Investment (FDI) has been considered as an important factor promoting economic growth and accomplish development directions in Vietnam. In recent years, while global economy tends to achieve the Sustainable Development Goals and the commitments of Paris Climate Agreement, the influence of FDI on environment has been more and more concerned. In fact, not all of FDI projects have positive impacts on environment of the host country. The problem is how FDI projects can achieve both goals: bringing economic and social benefits and ensuring the environment issues. Attracting green FDI may be the answer for the above question, however, in Vietnam, attracting green FDI still have limitations. This paper aims to clarify the need of attracting green FDI in developing countries, analyse obstacles in attracting green FDI in Vietnam and propose solutions to enhance that kind of capital attraction in the future.

**Keywords:** Green FDI, Sustainable Development, Environment.

**Mai, Huong Giang**

Email: giangmh@hvn.edu.vn

Banking Academy of Vietnam

Từ khóa: *FDI xanh, Phát triển bền vững, Môi trường.*

## **1. Tổng quan về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh**

### ***1.1. Tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến môi trường tại các quốc gia nhận đầu tư***

Một trong những đặc điểm chính của quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới là tự do hóa và mở rộng dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) toàn cầu. Việc thu hút FDI đóng vai trò quan trọng trong việc tăng trưởng, phát triển kinh tế- xã hội cũng như xóa đói giảm nghèo, đặc biệt là tại các quốc gia đang phát triển (World Bank, 2019). Trong những năm gần đây, khi cộng đồng các quốc gia trên thế giới đang hướng tới việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, các tác động của FDI tới môi trường, vào việc cải thiện hoặc làm trầm trọng thêm biến đổi khí hậu, mất đa dạng sinh học đang là chủ đề được giới nghiên cứu và các nhà quản lý quan tâm. Trên thực tế, các hoạt động FDI rất đa dạng, do đó các tác động của FDI đến môi trường tại quốc gia nhận đầu tư nói riêng và việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững nói chung là khác nhau. Nhìn chung, các tác động này có thể bao gồm các hướng như sau:

*Thứ nhất*, FDI có thể làm trầm trọng thêm hoặc giảm thiểu phát thải khí nhà kính (GHG). Các khoản đầu tư có thể có tác động đáng kể đối với GHG thông qua việc lựa chọn phương pháp sản xuất và năng lượng tiêu thụ của các công ty đa quốc gia (MNEs). Trong đó, đáng lưu ý nhất là các quyết định quản lý của các công ty sử dụng nhiên liệu hóa thạch, ví dụ như các quyết định liên quan đến ngân sách nghiên cứu và phát triển (R&D) chỉ cho việc phát triển năng lượng tái tạo thay vì phát triển các

nguồn dự trữ mới tác động đến GHG trong dài hạn (United Nations Environment, 2017). Bên cạnh đó, các MNEs cũng có thể thực hiện các bước tích cực để giảm phát thải khí nhà kính bằng cách thay đổi quy trình sản xuất hoặc chuyển sang các nguồn năng lượng tái tạo, ví dụ như hoạt động của MNEs trong các ngành kinh doanh như nông nghiệp, sản xuất, bất động sản, viễn thông, và các loại hình dịch vụ về nước (bao gồm dịch vụ cung cấp nước, xử lý nước thải và thoát nước) sẽ định hình lại nền kinh tế toàn cầu có tiếp tục hoạt động kinh doanh như truyền thống hay sẽ hướng tới một hệ thống sản xuất và tiêu dùng bền vững hơn. Ngoài ra, một số khoản đầu tư nhất định vào công nghệ thu giữ phát thải khí nhà kính hoặc các nguồn năng lượng thay thế năng lượng dựa trên carbon cũng sẽ định hình phát thải khí nhà kính và biến đổi khí hậu trong dài hạn (United Nations Environment, 2017).

*Thứ hai*, FDI có khả năng định hình dấu chân môi trường (Environmental Footprints). Các khoản đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng có thể có tác động đến môi trường tự nhiên, bao gồm nước, đất, rừng, đa dạng sinh học, chất lượng không khí, chất lượng đất và các dịch vụ hệ sinh thái khác. Những tác động này thường tập trung ở các quốc gia có quy định pháp lý và quản lý môi trường ít nghiêm ngặt hơn (United Nations Environment, 2017). Trên thực tế, mong muốn giảm chi phí tuân thủ những quy định về môi trường thúc đẩy các quyết định chuyển hoặc mở rộng các chi nhánh tại nước ngoài của các công ty đa quốc gia. Bên cạnh đó, cấu trúc của các MNEs có thể cho phép họ làm loãng những hậu quả có thể gây tổn kém trong trường hợp phải bồi thường cho các tác hại môi

trường gây ra ở nước sở tại. Quyết định điều hành và các quy trình sản xuất của MNEs có thể làm trầm trọng thêm hoặc giảm thiểu các tác động môi trường đó. Việc các MNEs chuyển đến các khu vực có quy định ít nghiêm ngặt hơn có thể làm tăng mức độ ô nhiễm cục bộ (không khí và nước) và gây hại cho sức khỏe của người dân địa phương. Lý thuyết “Nơi ẩn giấu ô nhiễm” (Pollution Haven Theory) lập luận rằng các dòng vốn FDI không chỉ nhằm mục đích khai thác tài nguyên, mà còn có thể hướng tới việc thay đổi nơi xả thải hoặc tìm kiếm một quốc gia khác để chôn cất chất thải không xử lý được mà ở các quốc gia phát triển, doanh nghiệp không thực hiện được bởi những quy định nghiêm ngặt về môi trường (thuế suất xả thải, chi phí xử lý chất thải cao). Mặt khác, theo giả thuyết “Cải thiện ô nhiễm môi trường” (Pollution Halo Hypothesis), FDI từ các nước có công nghệ tiên tiến có thể mang lại công nghệ mới và phương pháp sản xuất sạch hơn thay thế các doanh nghiệp nội địa kém hiệu quả hơn, hoặc nêu công nghệ và kỹ thuật sản xuất được sử dụng bởi các doanh nghiệp nội địa thay đổi để đáp ứng với sự hiện diện của các hãng nước ngoài (Cole và cộng sự, 2017).

*Thứ ba*, FDI có thể cải thiện chất lượng môi trường. Một số dự án đầu tư nước ngoài mang lại tiềm năng to lớn và quan trọng để giúp giải quyết những thách thức cấp bách về môi trường. Ví dụ, các dự án đầu tư mới (Greenfield) vào năng lượng tái tạo sẽ thay đổi sự sẵn có và chi phí của các nguồn năng lượng này trên thị trường, giúp người tiêu dùng cũng như các MNEs khác có thể dễ dàng tiếp cận được (United Nations Environment, 2017). Bên cạnh đó, các khoản đầu tư cũng có thể đảm bảo rằng môi trường sau khi hoàn thành dự án sẽ tốt hơn so với thời điểm bắt đầu dự án, ví dụ như các dự án bảo tồn hoặc tái trồng

rừng, hoặc thông qua đầu tư vào cải thiện khả năng phục hồi của cơ sở hạ tầng địa phương. Cuối cùng, mặc dù FDI có thể là một công cụ để tránh các quy định nghiêm ngặt về môi trường, nó cũng có thể là một kênh để thúc đẩy các thông lệ tốt. Cụ thể hơn, FDI có thể chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp địa phương, qua đó hỗ trợ các doanh nghiệp quản lý và giảm thiểu tác động môi trường. Bên cạnh đó, thông qua quá trình chuyển giao công nghệ và học hỏi, nước tiếp nhận vốn đầu tư có thể tránh các giai đoạn phát triển kém hiệu quả và gây ô nhiễm nặng nề hơn mà các quốc gia khác đã trải qua trong quá trình công nghiệp hóa (United Nations Environment, 2017).

Như vậy, FDI có thể ảnh hưởng đến môi trường địa phương ở nước nhận đầu tư theo chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực. Các tác động này cần được xem xét khi xây dựng chiến lược phát triển bền vững của các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển nơi mà nguồn vốn FDI đóng một vai trò quan trọng. Để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, cần có những cơ chế chính sách để thu hút các nguồn vốn FDI có tác động tích cực đến môi trường.

### ***1.2. Định nghĩa và đo lường vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh***

Trong những năm gần đây, với nhận thức rõ ràng về các tác động tiềm tàng của FDI tới môi trường, việc thu hút “FDI xanh” (Green FDI) đã trở thành một xu hướng được nhiều quốc gia đẩy mạnh và là chiến lược không thể thiếu trong quá trình đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững. Tuy nhiên, cho tới nay, trên thế giới chưa có một khái niệm thống nhất về FDI xanh và phương pháp đo lường FDI xanh.

Hội nghị Liên Hiệp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD, 2008) định nghĩa FDI xanh bao gồm: (i) khoản đầu tư áp dụng

các tiêu chuẩn môi trường cao hơn tiêu chuẩn được quy định trong luật của quốc gia nhận đầu tư hoặc (ii) khoản đầu tư cho việc sản xuất trực tiếp các hàng hóa và dịch vụ môi trường. Các hàng hóa và dịch vụ môi trường là các loại hàng hóa và các dịch vụ để đo lường, ngăn ngừa, hạn chế, giảm thiểu hoặc khắc phục thiệt hại môi trường đối với nước, không khí, đất cũng như các vấn đề liên quan đến chất thải, tiếng ồn và hệ sinh thái (OECD, 1999). Các khoản đầu tư thuộc loại (i) nói trên có nhiều cách hiểu và đo lường khác nhau do trên thực tế rất khó để xác định được việc một dự án đầu tư có áp dụng các tiêu chuẩn cao hơn các tiêu chuẩn được quy định trong luật của quốc gia sở tại hay không. Báo cáo của UNCTAD (2010) đưa ra thêm định nghĩa về FDI các-bon thấp (low carbon FDI)- một nhánh quan trọng của FDI xanh- là sự chuyển giao công nghệ, thực hành hoặc sản phẩm của các công ty đa quốc gia cho các nước nhận đầu tư thông qua vốn (FDI) và các hình thức không thông qua vốn sao cho các hoạt động có liên quan, việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ của các công ty này tạo ra mức phát thải khí nhà kính thấp hơn đáng kể so với mức trung bình trong ngành kinh doanh cụ thể. Những quan điểm trên của UNCTAD tập trung vào cả quá trình sản xuất và loại sản phẩm, dịch vụ được sản xuất.

OECD (2015) đưa ra định nghĩa về “đầu tư xanh” bao gồm các khoản đầu tư: (i) Cơ sở hạ tầng xanh và xanh hóa các cơ sở hạ tầng hiện có; (ii) quản lý bền vững các tài nguyên thiên nhiên và các dịch vụ mà các tài nguyên này cung cấp (ví dụ như đánh bắt cá, lâm nghiệp, du lịch sinh thái, an ninh nguồn nước và khoáng sản); (iii) các hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ môi trường, các nhóm ngành chéo thuộc chuỗi giá trị xanh và xanh hóa các chuỗi giá trị hiện có.

Bên cạnh đó, một số hiệp hội ngành, cơ quan thiết lập và chứng nhận tiêu chuẩn, các tổ chức phi lợi nhuận đã phát triển các tiêu chuẩn, hướng dẫn và công cụ khác nhau để đánh giá và báo cáo về việc tuân thủ các sáng kiến dựa trên các vấn đề liên quan đến hoạt động môi trường. Một ví dụ điển hình là tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001- thước đo để đánh giá các tổ chức “có khuôn khổ bảo vệ môi trường và ứng phó với sự thay đổi của các điều kiện môi trường và có tính đến sự cân bằng với nhu cầu kinh tế xã hội”. Việc tính toán FDI xanh có thể dựa trên lượng vốn FDI của các doanh nghiệp, dự án đáp ứng các tiêu chuẩn trên. Tuy nhiên, chứng nhận tuân thủ ISO 14001 không đảm bảo cho một mức hiệu suất “xanh” tuyệt đối về các quy trình được sử dụng và không giải quyết các tác động của sản phẩm sản xuất. Do đó, việc sử dụng tiêu chuẩn này để đo lường có thể dẫn đến việc đánh giá quá cao vốn FDI xanh. Mặt khác, do các công ty có thể không muốn hoặc không có đủ nguồn lực để đạt được chứng nhận ISO 14001, lượng vốn FDI xanh tính toán theo tiêu chuẩn này cũng có thể bị đánh giá quá thấp (United Nations Environment, 2017).

Như vậy, có thể hiểu FDI xanh là hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài áp dụng các quy trình sản xuất giảm thiểu ô nhiễm môi trường hoặc đầu tư vào sản xuất sản phẩm và dịch vụ môi trường, trong đó có tính đến sự cân bằng giữa lợi ích kinh tế xã hội và việc sử dụng hợp lý tài nguyên, tránh việc hủy hoại môi trường, biến đổi khí hậu và mất cân bằng sinh thái ở quốc gia nhận đầu tư.

## **2. Một số biện pháp thu hút vốn đầu tư nước ngoài xanh tại các quốc gia đang phát triển và tình hình tại Việt Nam**

Do những lợi ích tiềm năng mà FDI có thể mang lại về vốn, việc làm và chuyển giao

**Bảng 1. Một số biện pháp thu hút FDI xanh tại các quốc gia đang phát triển**

Quốc gia	Biện pháp thu hút FDI xanh
Ma-rốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án phát triển tích hợp: thiết lập 2.000 MW năng lượng mặt trời ở 5 địa điểm, được hỗ trợ 1 tỷ đô la Mỹ từ nguồn trợ cấp và đóng góp xã hội.</li> <li>- Thành lập tập đoàn nhà nước "Société d'Investissements Energétiques" (SIE) với số vốn 100 triệu đô la Mỹ, phát triển và đồng tài trợ các dự án năng lượng tái tạo, thúc đẩy đầu tư nước ngoài và trong nước.</li> <li>- Các hình thức hỗ trợ tài chính trực tiếp cho các dự án đầu tư tạo giá trị tăng thêm đối với tài nguyên thiên nhiên, chất thải hoặc tái chế chất thải kim loại và chất dẻo trong khuôn khổ Quỹ Đầu tư và Phát triển Công nghiệp và Quỹ phát triển kinh tế và xã hội Hassan II trị giá 2 tỷ đô la Mỹ.</li> <li>- Kế hoạch chiến lược mở rộng quy mô đầu tư vào nông nghiệp, năng lượng mặt trời, gió năng lượng, và nuôi trồng thủy sản.</li> </ul>
Ấn Độ	Chiến lược năng lượng tái tạo, trong đó cho phép tự do hóa hoàn toàn FDI năng lượng tái tạo, đẩy mạnh cho vay các lĩnh vực ưu tiên và các thỏa thuận mua bán điện tiêu chuẩn.
Nam Phi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng các mục tiêu năng lượng tái tạo (phát điện và sản xuất thiết bị), chất thải quản lý và hiệu quả năng lượng.</li> <li>- Trợ cấp bằng tiền lên tới 3 triệu đô la Mỹ để xây dựng thêm các cơ sở công nghiệp cho năng lượng tái tạo.</li> <li>- Hỗ trợ các nhà đầu tư nước ngoài trong quá trình đấu thầu các dự án năng lượng tái tạo.</li> <li>- Các nghiên cứu được ủy quyền để cung cấp thông tin về các địa điểm tối ưu xây dựng trang trại gió cho các nhà đầu tư nước ngoài.</li> <li>- Sử dụng chiến lược đưa ra các yêu cầu cụ thể cho các địa phương để khuyến khích tạo ra một ngành công nghiệp thiết bị năng lượng tái tạo được chuyên môn hóa cho từng địa phương.</li> </ul>
Colombia	Thuế thu nhập doanh nghiệp 0% đối với sản xuất năng lượng tái tạo và dự án trồng rừng mới; 9% cho dịch vụ du lịch sinh thái.

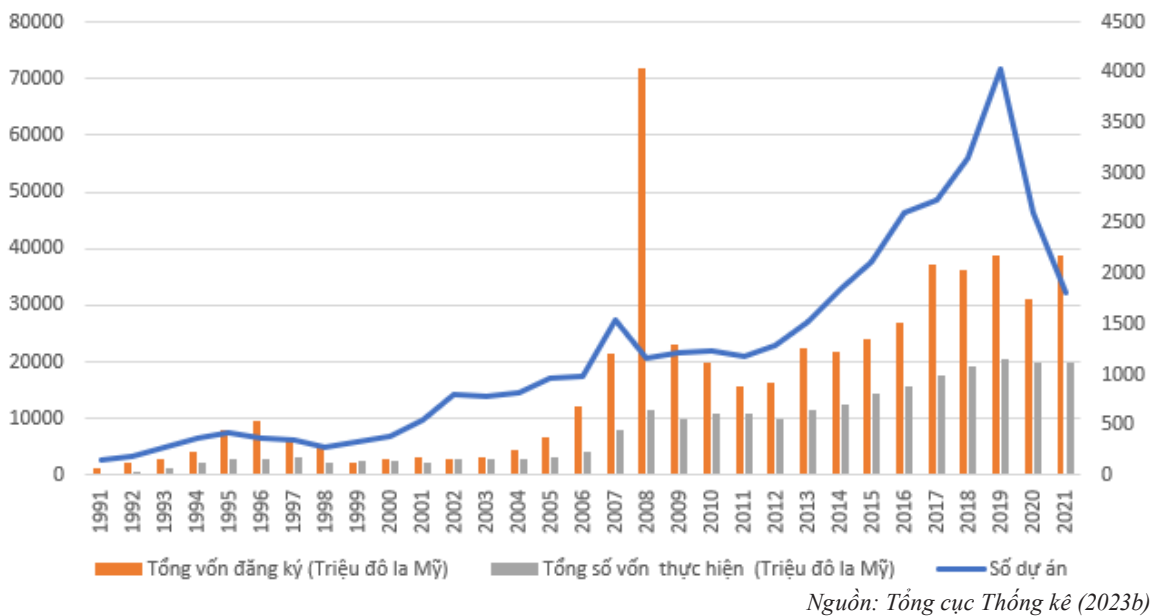
Nguồn: *United Nations Environment (2017)*

công nghệ, cũng như tăng khả năng cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực trong nước, ngày càng có nhiều quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển, chú trọng việc xây dựng các chính sách và các chương trình hỗ trợ, các gói ưu đãi tài chính và quy định, và thiết lập đầu tư cơ quan xúc tiến đầu tư trong nỗ lực thu hút vốn nước ngoài. Tuy nhiên, thực tế trong những năm gần đây cho thấy các quốc gia đang phát triển phải đối mặt với bài toán phải đạt được cùng lúc cả 2 mục tiêu: (i) thu hút FDI đem lại các lợi ích về kinh tế- xã hội và (ii) đảm bảo rằng khoản đầu tư họ nhận được tạo ra lợi ích môi trường (hoặc ít nhất không gây hại đến môi trường). Như đã phân tích ở trên, hai mục tiêu này có khả năng xung đột với nhau bởi một dự án FDI nhất định có thể có cả các tác động tích cực và tiêu cực đến môi trường. Một số quốc gia đã

thành công trong việc nắm bắt lợi ích môi trường từ FDI thông qua việc sử dụng một loạt các phương pháp tiếp cận, bao gồm các chính sách hỗ trợ về tài chính, chính sách tài khóa, đầu tư mục tiêu vào các lĩnh vực và hoạt động cụ thể, giảm thông tin bất cân xứng và các rào cản khác đối với đầu tư (Bảng 1).

Tuy nhiên, tại đa phần các quốc gia đang phát triển, mặc dù đã có một số tiến bộ trong nỗ lực xanh hóa dòng vốn đầu tư, các chính sách xúc tiến đầu tư xanh thường vẫn chưa phù hợp với các chiến lược phát triển bền vững (World Association of Investment Promotion Agencies, 2010). Do đó, nhiều quốc gia vẫn gặp khó khăn và bỏ lỡ các cơ hội thu hút FDI xanh và chấp nhận các khoản đầu tư không bền vững (United Nations Environment, 2017).

Tại Việt Nam, sau hơn 30 năm đổi mới,

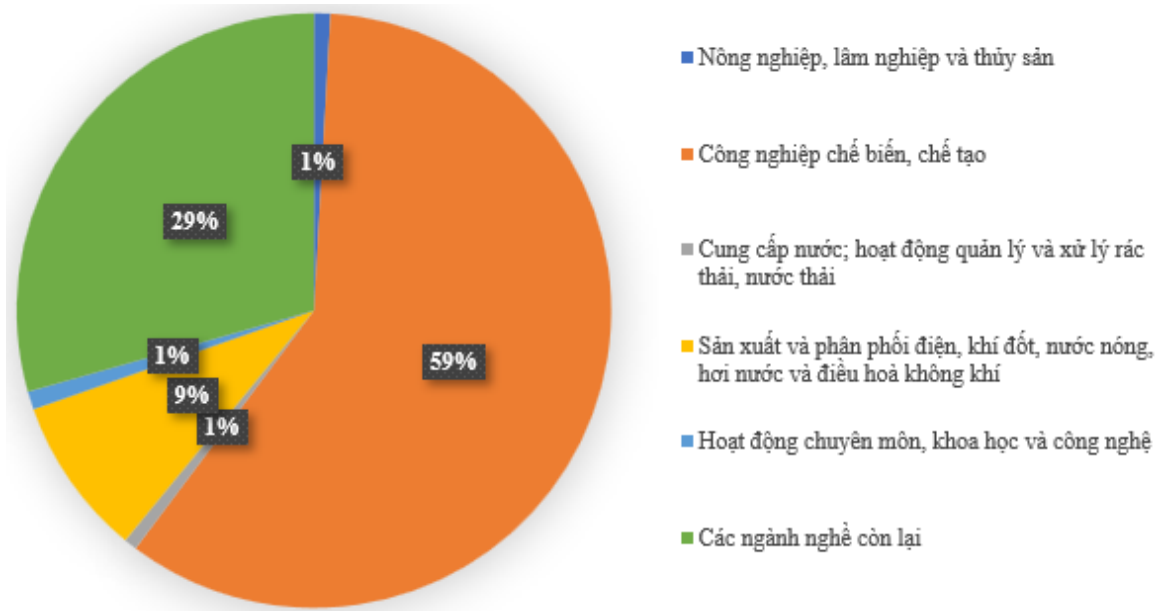


**Hình 1. Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam 1991- 2021**

FDI vẫn tiếp tục là nhân tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Số lượng các dự án, tổng số vốn đăng ký và tổng số vốn thực hiện không ngừng tăng lên qua các năm (Hình 1). Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, khoảng 55% tổng giá trị sản xuất công nghiệp và khoảng 70% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam (Hiệp hội doanh nghiệp đầu tư nước ngoài-VAFIE, 2022).

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, phần lớn các dự án FDI ở Việt Nam giai đoạn vừa qua tập trung vào các lĩnh vực ít thân thiện với môi trường như công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm khoảng 59% tổng số vốn đăng ký), sản xuất thô, khai thác khoáng sản... (Hình 2). Các lĩnh vực này có mức độ phát thải lớn, giá trị gia tăng thấp, có khả năng gây ra ô nhiễm môi trường rất lớn (Nguyễn Thị Ngọc Loan, 2019). Trong khi đó các ngành công nghiệp mang tính nền tảng như công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao và các ngành công nghiệp cung cấp sản phẩm dịch vụ môi trường tỷ trọng còn thấp. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), chỉ 5% doanh

nh nghiệp FDI có công nghệ cao, 80% có công nghệ trung bình, còn lại 15% là sử dụng công nghệ thấp. Bên cạnh đó, không ít các dự án FDI đã nhập khẩu và sử dụng máy móc, thiết bị lạc hậu, không thân thiện với môi trường hoặc quy trình sản xuất thiếu giải pháp công nghệ xử lý chất thải. Điều này đã dẫn đến những tác động tiêu cực đến môi trường, tới hệ sinh thái ở một số khu vực, tới mối quan hệ giữa doanh nghiệp FDI với cộng đồng dân cư và có thể gây ra xung đột lợi ích giữa các ngành. Theo báo cáo thanh tra của Tổng cục Môi trường (2019), tỷ lệ doanh nghiệp FDI vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường gia tăng nhanh chóng trong giai đoạn 2017-2019. Cụ thể, tỷ lệ các doanh nghiệp vi phạm qua các năm 2017, 2018 và 2019 lần lượt là 44,5% (12/27 doanh nghiệp vi phạm); 56% (14/25 doanh nghiệp vi phạm) và 68% (13/19). Hiện nay Việt Nam chưa có quy định cụ thể và các tiêu chuẩn để đánh giá FDI xanh, do đó chưa có thống kê về số lượng dự án FDI xanh. Tuy nhiên, dựa trên các tiêu chuẩn liên quan đến “yếu tố xanh”, đa phần các dự án FDI hiện nay chưa đáp ứng đủ điều



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2023a)

**Hình 2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép theo phân ngành kinh tế (Lũy kế các dự án còn hiệu lực tính đến ngày 31/12/2021)**

kiện. Thu hút các dự án FDI xanh là một trong các giải pháp tối ưu để giải quyết vấn đề về môi trường, cân bằng lợi ích kinh tế và lợi ích môi trường của các dự án FDI. Tuy nhiên, hiện nay, Việt Nam đối mặt với nhiều rào cản và thách thức trong việc thu hút nguồn vốn này, cụ thể:

*Thứ nhất*, Việt Nam chưa có các quy định, tiêu chí cụ thể để sàng lọc hiệu quả các dự án FDI nói chung và xác định các dự án FDI xanh nói riêng để từ đó có các cơ chế thu hút nguồn vốn này một cách phù hợp. Bên cạnh đó, chưa có các quy định cụ thể, rõ ràng về khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong thu hút và sử dụng FDI.

*Thứ hai*, chưa có các biện pháp, công cụ phòng ngừa, cơ chế kiểm soát hiệu quả, chặt chẽ các nguồn xả thải từ các dự án FDI. Trong khi đó, nhận thức của một bộ phận chủ đầu tư về thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án còn hạn chế. Bên cạnh đó, vẫn còn tình trạng một số địa phương chú trọng các lợi ích kinh tế, thu hút các dự án FDI

chưa có chọn lọc, xem nhẹ công tác bảo vệ môi trường.

*Thứ ba*, các áp lực lên môi trường ngày càng lớn do xu hướng toàn cầu hóa, quá trình gia tăng dân số, đô thị hóa nhanh, công nghiệp hóa mạnh, xu hướng xuất khẩu ô nhiễm thông qua các dự án FDI từ các quốc gia phát triển sang các quốc gia đang phát triển ngày càng gia tăng.

### **3. Kết luận và một số khuyến nghị nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tại Việt Nam**

Bài viết dựa trên quan sát tổng quan tài liệu đã chỉ ra các tác động 2 chiều của FDI đến môi trường tại các quốc gia nhận đầu tư, các quan điểm đo lường FDI xanh và một số biện pháp thu hút FDI tại các quốc gia đang phát triển, thực tế tại Việt Nam và các rào cản thu hút FDI xanh tại Việt Nam.

Tại Việt Nam, FDI vẫn được xác định là kênh thu hút vốn quan trọng để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dần cạn kiệt, xu hướng phát triển bền vững đang dần trở thành xu thế của thời đại, việc thu hút FDI cần cân nhắc kỹ lưỡng các tác động tới môi trường bên cạnh các lợi ích về kinh tế. Sự quan tâm đến vấn đề môi trường trong thu hút vốn FDI đã được Chính phủ thể hiện qua một loạt các chính sách quan trọng như Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn 2050; Chiến lược quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu Chính phủ, Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021- 2030... Thu hút FDI xanh sẽ là trụ cột quan trọng để Việt Nam vừa đảm bảo các nguồn lực cho phát triển kinh tế xã hội, vừa đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Để thu hút FDI xanh hiệu quả trong thời gian tới, Việt Nam cần chú trọng một số vấn đề sau:

*Thứ nhất*, về mặt pháp lý, cần xây dựng các quy định, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về bảo vệ môi trường và khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong thu hút và sử dụng FDI. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng các tiêu chí đánh giá FDI xanh, hoàn thiện danh mục các sản phẩm dịch vụ môi trường, qua đó cho phép phân loại các dự án FDI dựa trên tác động tiềm tàng của dự án đó tới môi trường. Trên cơ

sở phân loại các dự án FDI, cần đưa ra các cơ chế chính sách, ưu đãi, hỗ trợ đối với các dự án FDI xanh, các dự án có tác động tích cực tới môi trường. Mặt khác, không gia hạn hoặc mở rộng hoạt động đối với các dự án không đáp ứng được tiêu chuẩn công nghệ, môi trường và không thu hút các dự án nhập khẩu máy móc, thiết bị lạc hậu, có khả năng gây ô nhiễm môi trường và hủy hoại tài nguyên thiên nhiên.

*Thứ hai*, xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi nhằm thu hút vốn đầu tư FDI vào các ngành công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Bên cạnh đó, cần phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đặc biệt là các ngành nghề mới trên nền tảng số và các công nghệ mới trong kỷ nguyên 4.0.

*Thứ ba*, thành lập các bộ phận chuyên trách nghiên cứu về FDI xanh, các tiêu chí đánh giá FDI xanh, thường xuyên cập nhật các xu hướng FDI xanh trên thế giới, kinh nghiệm thu hút và quản lý dự án FDI xanh, kinh nghiệm xử lý các rủi ro môi trường từ các dự án FDI..., từ đó đề xuất các chính sách, giải pháp phù hợp

*Thứ tư*, cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên thiên nhiên tại các doanh nghiệp FDI nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các vi phạm về bảo vệ môi trường. ■

### Tài liệu tham khảo

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), *Tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2021*
- Cole, M. A ; Elliott, R.J.R & Zhang, L (2017), "Foreign Direct Investment and the Environment", *Annual Review of Environment and Resources*, 42 (2017), 465-487.
- Golub, S.S; Kauffmann, C & Yeres, P (2011), "Defining and Measuring Green FDI", *OECD Working Papers on International Investment*.
- Hiệp hội Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài- VAFIE (2022), *Báo cáo thường niên về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam năm 2021*.
- Nguyễn Thị Ngọc Loan (2019), "Thu hút FDI xanh gắn với mục tiêu phát triển bền vững", *Tạp chí Kinh tế- Tài chính và môi*, 668+669 (2019), 38-42.
- OECD (1999), *The environmental goods and services industry: manual for Data Collection and Analysis*.
- OECD (2015), *Policy Framework for Investment*.
- Tổng cục môi trường (2019), *Báo cáo công tác bảo vệ môi trường 2019*.



- Tổng cục thống kê (2023a), Đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép theo phân ngành kinh tế (Lũy kế các dự án còn hiệu lực tính đến ngày 31/12/2021), Truy cập ngày 14/02/2023 từ <https://pxweb.gso.gov.vn/pxweb/vi/%c4%90%e1%ba%a7u%20t%c6%b0/%c4%90%e1%ba%a7u%20t%c6%b0/V04.12.px/?rxid=233fabd8-1944-4ff7-95c7-d398784412b3>*
- Tổng cục Thống kê (2023b), Đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép thời kỳ 1988-2021, Truy cập ngày 14/02/2023 từ <https://pxweb.gso.gov.vn/pxweb/vi/%c4%90%e1%ba%a7u%20t%c6%b0/%c4%90%e1%ba%a7u%20t%c6%b0/V04.11.px/?rxid=233fabd8-1944-4ff7-95c7-d398784412b3>*
- UNCTAD (2008), *Creating an Institutional Environment Conducive to Increased Foreign Investment and Sustainable Development*.*
- UNCTAD (2010), *World Investment Report 2010: Investing in a low-carbon economy*.*
- United Nations Environment (2017), *Green Foreign Direct Investment in Developing Countries*.*
- World Association of Investment Promotion Agencies (2010), *Investment Promotion Agencies and Sustainable FDI: Moving Toward the Fourth Generation of Investment Policies*.*